



こ はったつ
お子さんの発達について

しんぱい
心配なことはありますか？

にほんこそだ ほごしゃかた
～日本で子育てをする保護者の方へ～





Bạn có mối lo nào về sự phát triển của con bạn không?

Gửi những phụ huynh đang nuôi con ở Nhật



はじめに

近年、日本で子育てをする外国人保護者の方が増えています。

- ・文化や生活習慣のちがう国で、子育てで苦勞をしている方
- ・言葉の壁から、子育てに必要な情報が得られにくい方
- ・お子さんの発達について、心配している方

この冊子は、そういう外国人保護者の皆さんがすこしでも安心して子育てができるように
つくりました。

とくに、お子さんの発達について心配なことがある場合、どこへ行って、誰に相談すれば
良いのかわからなくて、とまどうこともあるでしょう。

日本の各地には、お子さんの発達を心配する保護者を応援する機関(場所)があります。

外国人保護者の皆さんが、必要とする情報やサポートにつながりやすくなるよう、この冊子を
役立てていただければ光榮です。

国立障害者リハビリテーションセンター

発達障害情報・支援センター



Lời mở đầu

Những năm gần đây, số phụ huynh người nước ngoài nuôi con tại Nhật đang tăng lên.

- Họ đang vất vả nuôi con tại một đất nước khác biệt về văn hóa và thói quen sinh hoạt.
- Họ khó nắm bắt các thông tin cần thiết về nuôi con do trở ngại về ngôn ngữ.
- Họ lo lắng về sự phát triển của con cái.

Cuốn sách này là để giúp những phụ huynh người nước ngoài như thế có thể phần nào an tâm hơn trong việc nuôi con.

Đặc biệt là trường hợp có mối lo về sự phát triển của con thì sẽ thấy bối rối vì không biết phải đi đâu, trao đổi với ai thì tốt.

Tại các vùng miền của Nhật, có các cơ quan (địa điểm) hỗ trợ phụ huynh có mối lo về sự phát triển của con cái.

Đó sẽ là vinh dự cho chúng tôi nếu cuốn sách này có ích và giúp cho quý vị phụ huynh người nước ngoài dễ dàng tìm thấy thông tin và sự hỗ trợ cần thiết.

Trung tâm quốc gia phục hồi chức năng cho người khuyết tật

Trung tâm thông tin và hỗ trợ khuyết tật phát triển

もくじ

こ はったつ しょうたい し 子どもの発達の状態が知りたい	3
たと 例えばこんなことはありませんか？	3
さい 3歳まで	3
さい さい しょうがっこうにゅうがく 3歳～6歳(小学校入学)まで	4
し くちょうそん おこな けんこうしんさ う 市区町村が行う健康診査を受けましょう	5
にゅうじけんこうしんさ 乳児健康診査	5
さい げつ けんこうしんさ 1歳6か月児健康診査	5
さい けんこうしんさ 3歳児健康診査	6
しゅうがく けんこうしんさん 就学時健康診断	7
しゅうがく そうだん 就学相談	7
【参考】特別な支援が必要なお子さんの教育(特別支援教育)の場	8
そうだん 相談をしたい	9
そうだん 相談をしましょう	9
す し くちょうそん そうだん きかん お住まいの市区町村の相談機関	10
はったつしょうがい 発達障害ってなんだろう？	11
はったつしょうがい しゃしえん ほう 発達障害者支援法について	12
はったつしょうがい しゃしえん せんたー 発達障害者支援センターについて	12
びょういん い 病院に行きたい	13
びょういん けんさ こべつりょうほう 病院について、検査、個別療法	13
こ はったつしょうがい しんさん お子さんが発達障害と診断されたら・・・	13
かいてき す ぐすり りょう 快適に過ごすための薬の利用	14
しょうがい しゃてちょう し 障害者手帳について知りたい	15
りょう きーび す れい 利用できるサービスの例	15
りょういくてちょう 療育手帳	16
せいしんしょうがいしゃ けんふく してちょう 精神障害者保健福祉手帳	16
く やくだ しょうほう さんこうしょうほう 暮らしに役立つ情報がほしい(参考情報)	17
がいこくご そうだん さーび す 外国語での相談サービス	17
ほんやく あぶり 翻訳アプリ	18
がっこうきょういく かん しょうほう はったつしょうがい かん しょうほう 学校教育に関する情報・発達障害に関する情報	19

Mục lục

Muốn biết tình trạng phát triển của trẻ	3
Ví dụ là có những chuyện như thế này xảy ra không?	3
Đến 3 tuổi	3
Từ 3 tuổi đến 6 tuổi (Nhập học tiểu học)	4
Hãy đưa trẻ đi khám sức khỏe do thành phố quận thị trấn xã phường thực hiện	5
Kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh	5
Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 1 tuổi 6 tháng	5
Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 3 tuổi	6
Khám sức khỏe khi nhập học	7
Tư vấn nhập học	7
[Tham khảo] Địa điểm giáo dục cho trẻ cần hỗ trợ đặc biệt (Giáo dục hỗ trợ đặc biệt)	8
Muốn được tư vấn	9
Hãy nhờ tư vấn	9
Cơ quan tư vấn của thành phố quận thị trấn xã phường nơi đang sống	10
Khuyết tật phát triển là gì nhỉ?	11
Về Luật hỗ trợ người khuyết tật phát triển	12
Về trung tâm hỗ trợ người khuyết tật phát triển	12
Muốn đi bệnh viện	13
Về bệnh viện, kiểm tra và phương pháp trị liệu riêng lẻ	13
Nếu trẻ được chẩn đoán là có khuyết tật phát triển	13
Sử dụng thuốc để cảm thấy dễ chịu	14
Muốn biết về sổ tay người khuyết tật	15
Ví dụ về dịch vụ có thể sử dụng	15
Sổ tay chăm sóc phục hồi	16
Sổ tay bảo vệ sức khỏe và phúc lợi của bệnh nhân tâm thần	16
Muốn biết thông tin có ích cho cuộc sống (Thông tin tham khảo)	17
Dịch vụ tư vấn bằng tiếng nước ngoài	17
Ứng dụng biên dịch	18
Thông tin liên quan đến giáo dục học đường / Thông tin liên quan đến khuyết tật phát triển	19

たと 例えばこんなことはありませんか？

さい 3歳まで

- ・ことばの発達^{はったつ おく}が遅れている。
- ・話^{はな}していたことばが消^きえた。
- ・コミュニケーション^{こみゆにけーしょん}が困難^{こんなん}、または一方的^{いっぽうてき}である。
- ・いつも同じ遊び^{おな あそ}ばかりしている。



- ・目^めが合わない、合いにくい^あ。
- ・抱^だっこされることをいやがる。
- ・表情^{ひょうじょう}が変わ^からない。
- ・名前^{なまえ}を呼^よばれても振り向^{ふむ}かない。



- ・とても嫌^{いや}がる物^{もの}や場所^{ばしょ}などがある。
- ・同じもの^{おな}、同じやりかた^{おな}などにととてもこだわる。

- ・首^{くび}がすわる、座^{すわ}る、歩^{ある}くなどの運動^{うんどう}発達^{はったつ}がゆっくりである。
- ・筋肉^{きんにく}が柔らか^{やわ}い。姿勢^{しせい}を保^{たも}つことが難^{むずか}しい。



- ・落ち着^{おち}きがない^つ。
- ・よく動き回^{うごまわ}るので、いつも見守^{みまも}っていなければならない。
- ・とても気^きが散^ちりやすい。

- ・かんしゃくがひどく、なかなかおさまらない。
- ・自分^{じぶん}を傷^{きず}つける行^{こう}為^いを繰^くり返^{かえ}す。
(自分^{じぶん}の頭^{あたま}を打^うち付^つける、腕^{うで}をかむなど)



- ・ひどい夜泣^{よな}きが何^{なん}か月^{げつ}も続^{つづ}いている。
- ・昼寝^{ひるね}をしない。寝つき^ねがとて悪^{わる}い。
- ・食^たべ物^{もの}と飲^のみ物^{もの}の好^すき嫌^{きら}い(偏食^{へんしょく})が激^{はげ}しい。

- ・音^{おと}のするほうを向^むかない。
- ・音^{おと}にとて敏感^{びんかん}(自分^{じぶん}で耳^{みみ}をふさぐ)。



Ví dụ là có những chuyện như thế này xảy ra không?

Đến 3 tuổi

- Phát triển chậm về mặt ngôn ngữ.
- Không nhớ những từ đã nói.
- Gặp khó khăn về giao tiếp hoặc chỉ giao tiếp đơn phương.
- Lúc nào cũng chỉ lặp đi lặp lại một trò chơi.



- Né tránh ánh mắt.
- Không thích ôm ấp.
- Không thay đổi biểu cảm.
- Không ngoảnh lại khi được gọi tên.



- Rất ghét những vật hoặc địa điểm v.v... nhất định
- Rất câu nệ cùng một thứ, cùng một cách làm v.v...

- Phát triển vận động như cứng cổ, ngồi, chậm bước đi v.v....
- Cơ bắp mềm. Khó giữ tư thế.



- Không bình tĩnh.
- Do thường di chuyển loanh quanh nên thường xuyên phải để mắt đến.
- Rất dễ bị phân tán.

- Dễ nổi nóng, khó làm dịu cơn tức giận.
- Lặp đi lặp lại hành động gây tổn thương bản thân.
(Tự đánh vào đầu, tự cắn cánh tay)



- Khóc đêm dẫm dẫm trong nhiều tháng.
- Không ngủ trưa. Rất khó ngủ.
- Phân biệt rõ ràng đồ ăn đồ uống thích và không thích (kén chọn thức ăn).

- Không hướng về phía có tiếng động.
- Rất nhạy cảm với âm thanh (tự bịt tai của mình).



3歳～6歳(小学校入学)まで



- ・他の子どもに興味がない。子ども同士で遊べない。
- ・興味が偏っている(特定の色、商標、記号、文字、数字など)。
- ・同じ質問や、同じ話題を繰り返す。
- ・一人でいることが多い。



- ・ルールや約束を気にしない。
- ・話を一方的に始めて、勝手に終わる。
- ・友達とうまく遊べない。乱暴をしてしまう。
- ・落ち着きがなく、動き回る。
- ・自分勝手に好きなところに行ってしまう。
- ・説明を最後まで聞かない。

- ・話しかけられている内容がわからない。
- ・文字や数がよくわからない。
- ・とても得意なことで、とても苦手なことがある。



- ・みんなと一緒に活動するときに、他の子どもと同じように行動できない。
- ・準備や片付けにとっても時間がかかる。
- ・絵をかくこと、はさみを使うことが苦手。
- ・身体にさわられるのをいやがる。
- ・トイレや着替えなどの生活習慣を身につけるのに時間がかかる。

お子さんにこのような問題があると、心配ですね・・・

ご家族は、「困った子だな」と感じてイライラしたり、「育て方が悪いのかな」と子育てに自信がなくなることもあるかもしれません。

これらは一時的な問題かもしれませんが、もしかすると、お子さんに発達の問題、ことに発達障害があるのかもしれません。

Từ 3 tuổi đến 6 tuổi (Nhập học tiểu học)



- Không quan tâm đến những đứa trẻ khác. Không chơi được với những đứa trẻ khác.
- Chỉ có hứng thú với một số thứ nhất định (Màu sắc, bảng hiệu, ký hiệu, chữ, số v.v...nhất định).
- Lặp đi lặp lại cùng câu hỏi hoặc câu chuyện.
- Thường ở một mình.



- Không để ý đến qui tắc và lời hứa.
- Tự bắt đầu nói chuyện rồi tự kết thúc câu chuyện.
- Không chơi yên lành được với bạn. Thường gây rối.
- Không bình tĩnh, di chuyển loanh quanh.
- Tự tiện đi đến những chỗ mình thích.
- Không nghe đến hết lời giải thích.

- Không hiểu được nội dung người khác nói với mình.
- Không hiểu rõ về chữ và số.
- Có những việc rất giỏi và có những việc rất kém.



- Khi cùng hoạt động với mọi người, thì không thể hành động giống với những đứa trẻ khác.
- Mất rất nhiều thời gian để chuẩn bị và dọn dẹp.
- Vẽ kém và sử dụng kéo kém.
- Ghét bị chạm vào người.
- Mất nhiều thời gian để làm được những thói quen sinh hoạt như đi toilet hoặc thay quần áo.

Sẽ thật đáng lo nếu con bạn có những vấn đề như vậy nhỉ...

Gia đình thường sẽ cho rằng "đứa trẻ này gây rối quá" và thấy sốt ruột, có thể cho rằng "hay là cách nuôi dạy của mình sai nhỉ" và thấy mất tự tin trong việc nuôi con.

Đây có thể là vấn đề trong một thời gian ngắn nhưng cũng có thể là đứa trẻ có vấn đề về phát triển, đặc biệt là bị khuyết tật phát triển.

し く ちょうそん おこな けん こう しん さ う 市区町村が行う健康診査を受けましょう



し く ちょうそん やくしよ むりよう にゅうようじけんこうしんさ けんしん おこな
市区町村の役所では、無料で乳幼児健康診査(健診)を行っています。

こ けんこう はったつ じょうたい かくにん たいせつ き かい
お子さんの健康や発達の状態を確認するために大切な機会です。
かならず受けましょう。

けんこうしんさ じ き じちたい
それぞれの健康診査の時期は、自治体によってちがいます。
やくしよ かくにん
役所に確認してください。

にゅうじけんこうしんさ 乳児健康診査

いつ? お子さんが3～4か月になったとき

なに 何を? ・医師が診察します。

しんちょう たいじゅう
・身長や体重をはかります。

ほ けん し しんぱい そうだん
・保健師に心配なことを相談することができます。

えいようし りにゅうしょく おし
・栄養士が離乳食について教えてくれます。



さい げつ じ けんこうしんさ 1歳6か月児健康診査

いつ? お子さんが1歳6か月になってから2歳になる前までの間

なに 何を? ・医師が診察します。

し か い し しんさつ
・歯科医師が診察します。

しんちょう たいじゅう
・身長や体重をはかります。

ほ けん し しんぱい そうだん
・保健師に心配なことを相談することができます。



Hãy đưa trẻ đi khám sức khỏe do thành phố quận thị trấn xã phường thực hiện



Khám sức khỏe cho trẻ sơ sinh được thực hiện miễn phí tại cơ quan hành chính của thành phố quận thị trấn xã phường.

Đây là cơ hội quan trọng để kiểm tra tình trạng sức khỏe và phát triển của trẻ. Nhất định hãy khám sức khỏe cho trẻ.

Các thời kì thực hiện khám sức khỏe của mỗi chính quyền địa phương là khác nhau. Hãy xác nhận với cơ quan hành chính nơi bạn đang sống.

Kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh

Khi nào?

Khi trẻ được 3-4 tháng tuổi

Làm những gì?

- Bác sĩ sẽ tiến hành khám.
- Đo chiều dài cơ thể và cân nặng.
- Có thể nhờ tư vấn về các mối lo với chuyên viên chăm sóc sức khỏe.
- Chuyên viên dinh dưỡng sẽ hướng dẫn về ăn dặm cho trẻ.



Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 1 tuổi 6 tháng

Khi nào?

Trong khoảng thời gian tính từ lúc trẻ được 1 tuổi 6 tháng đến trước 2 tuổi

Làm những gì?

- Bác sĩ sẽ tiến hành khám.
- Bác sĩ nha khoa sẽ tiến hành khám.
- Đo chiều cao và cân nặng.
- Có thể nhờ tư vấn về các mối lo với chuyên viên chăm sóc sức khỏe.



さいじけんこうしんさ 3歳児健康診査

いつ？ お子さんが3歳さいになってから4歳さいになる前まえまでの間あいだ

なに 何をする？ ・医師いしが診察しんさつします。

・歯科医師しかいしが診察しんさつします。

・身長しんちようや体重たいじゆうをはかります。

・尿にようの検査けんさをします。

・視覚しかくや聴覚ちようかくの検査けんさをします。

・保健師ほけんし、栄養士えいようし、心理士しんりしなどに心配しんぱいなことを相談そうだんすることができます。



しかくけんさ 【視覚検査】

6歳さいごろまで、視力しりよくは発達はったつしつづけます。できるだけ早くはや視力しりよくの異常いじようや斜視しゃしを見つけて治療ちりようすることができれば、回復かいふくが期待きたいできます。

ちようかくけんさ 【聴覚検査】

聞こえの異常いじようや耳みみの病気びようきを見つけたら検査けんさです。耳みみが聞こえないと、言葉ことばの発達はったつも遅れおくます。できるだけ早くはや見つけることが大切です。

- 健康診査けんこうしんさごとに、受けることができる年齢ねんれいが決まっています。
- 健康診査けんこうしんさの費用ひようは、すべて0円えんです。
- 決められた健康診査けんこうしんさの日ひに受けられなかったときは、役所やくしよの窓口まどぐちに聞いてください。



Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 3 tuổi

Khi nào? Trong khoảng thời gian tính từ lúc trẻ được 3 tuổi đến trước 4 tuổi

Làm những gì?

- Bác sĩ sẽ tiến hành khám.
- Bác sĩ nha khoa sẽ tiến hành khám.
- Đo chiều cao và cân nặng.
- Xét nghiệm nước tiểu.
- Kiểm tra thị lực và thính lực.
- Có thể nhờ tư vấn về các mối lo với chuyên viên chăm sóc sức khỏe, chuyên viên dinh dưỡng, chuyên viên tâm lý.



<Kiểm tra thị lực> Thị lực của trẻ sẽ tiếp tục phát triển cho đến khi trẻ được khoảng 6 tuổi. Nếu có thể phát hiện bất thường về thị lực hay tật lác mắt (lé mắt) và điều trị càng sớm thì có hy vọng phục hồi.

<Kiểm tra thính lực> Đây là kiểm tra để phát hiện bất thường về khả năng nghe và bệnh về tai. Nếu trẻ không nghe được thì sẽ bị chậm phát triển về ngôn ngữ. Điều quan trọng là phải phát hiện càng sớm càng tốt.

Với từng hạng mục kiểm tra sức khỏe, có quy định độ tuổi có thể được khám.

Kiểm tra sức khỏe không tốn bất kì chi phí nào.

Nếu không được kiểm tra sức khỏe vào ngày đã được ấn định, hãy trao đổi với quầy liên hệ tại cơ quan hành chính.



就学時健康診断

いつ？ お子さんが小学校に入る前の年の9月ごろ、市区町村の教育委員会からお知らせが届きます（なお、外国籍または無国籍の子どもが日本の小学校に入学を希望する場合には、お住まいの市区町村の教育委員会に就学希望の申請をすることが必要です）。

何をする？ 入学する予定の小学校に行って、就学時健康診断を受けましょう。

- ・医師が診察します。
- ・歯科医師が診察します。
- ・身長や体重をはかります。
- ・視力や聴力の検査をします。
- ・簡単な知能検査をします。



就学相談

教育委員会や教育センターは、障害のあるお子さん、小学校での生活に心配なことがあるお子さんの相談を行っています。保育所や幼稚園の先生が、教育委員会に相談するように勧めることもあります。
就学相談は予約が必要です。予約については、教育委員会に聞いてください。

○障害のあるお子さんのための教育

子どもがどこで教育を受けるかは、親や子どもの考えを最大限尊重して、教育委員会が決めます。

小学校には、「特別支援学級」や「通級指導教室」があります。

「特別支援学校」は、障害が重いお子さんのための学校です。

「特別支援学級」や「特別支援学校」を見学することができます。教育委員会に聞いてください。

Khám sức khỏe khi nhập học

- Khi nào?** Vào khoảng tháng 9 của năm trước khi trẻ chuẩn bị nhập học tiểu học, ủy ban giáo dục của thành phố quận thị trấn xã phường sẽ gửi thông báo đến (Ngoài ra, trẻ có quốc tịch nước ngoài hoặc không có quốc tịch thì phải nộp đơn nguyện vọng nhập học tại ủy ban giáo dục của thành phố quận thị trấn xã phường nơi đang sống nếu có nguyện vọng nhập học tiểu học tại Nhật).
- Làm những gì?** Hãy đến trường tiểu học dự định nhập học để được khám sức khỏe khi nhập học.
- Bác sĩ sẽ tiến hành khám.
 - Bác sĩ nha khoa sẽ tiến hành khám.
 - Đo chiều cao và cân nặng.
 - Kiểm tra thị lực và thính lực.
 - Thực hiện kiểm tra trí thông minh đơn giản.



Tư vấn nhập học

Ủy ban giáo dục hoặc trung tâm giáo dục sẽ thực hiện tư vấn về trẻ em có khuyết tật, trẻ em có mối lo với sinh hoạt học đường tại trường tiểu học. Giáo viên của nhà trẻ hoặc trường mẫu giáo có thể sẽ khuyến khích phụ huynh trao đổi với ủy ban giáo dục.

Cần phải đặt hẹn trước nếu muốn xin tư vấn nhập học. Hãy liên hệ hỏi ủy ban giáo dục để đặt hẹn trước.

● Giáo dục dành cho trẻ có khuyết tật

Ủy ban giáo dục sẽ hết sức tôn trọng suy nghĩ của cha mẹ và trẻ khi đưa ra quyết định về việc trẻ sẽ được học ở đâu.

Trường tiểu học gồm có "Lớp hỗ trợ đặc biệt" và "Lớp học hướng dẫn đặc biệt dành cho trẻ khuyết tật".

"Trường hỗ trợ đặc biệt" là trường dành cho trẻ có khuyết tật mức độ nặng.

Có thể tham quan "Lớp hỗ trợ đặc biệt" và "Trường hỗ trợ đặc biệt". Hãy liên hệ hỏi ủy ban giáo dục.

【参考】特別な支援が必要なお子さんの教育(特別支援教育)の場

しょうがっこう ちゅうがっこう 小学校・中学校

つうじょう がっきゅう 通常の学級

しゅうだんせいかつ なか とくべつ しえん ひつよう こ
集団生活の中で、特別な支援が必要なお子
さんに対する配慮や工夫をしています。

つうきゅう しどう つうきゅうし どうきょうしつ 通級による指導(通級指導教室)

じゆぎょう つうじょう がっきゅう う
ほとんどの授業を通常の学級で受けて、

き じかん つき しゅう すうかい べつ
決まった時間(月または週に数回)だけ別

きょうしつ かよ
の教室に通います。

こ がくしゅう せいかつ かだい
お子さんの学習や生活の課題について、

こべつ しえん う
個別の支援を受けることができます。

とくべつ しえん がっきゅう 特別支援学級

しょうにんずう がっきゅう
少人数の学級です。

たいしゅう こ しやうがい
対象のお子さんの障害によって、

じゃくし なんちよう ちてきしやうがい したい ふじゆう
弱視、難聴、知的障害、肢体不自由、

びようじゃく しんたいきよじゃく じへいしゅう じょうちしやうがい
病弱・身体虚弱、自閉症・情緒障害の

しゆるい がっきゅう
6種類の学級があります。

がっこう せっち がっきゅう
学校によって、設置されている学級の

しゆるい かず
種類や数がちがいます。

つうきゅうし どうきょうしつ とくべつ しえん がっきゅう
*「通級指導教室」や「特別支援学級」が
せっち がっこう
設置されていない学校もあります。

とくべつ しえん がっこう 特別支援学校

し かくしやうがい ちやうかくしやうがい したい ふじゆう びようじゃく ちてきしやうがい こ
視覚障害、聴覚障害、肢体不自由、病弱、知的障害のあるお子さんのための学校です。

ちてきしやうがい じへいしゅう すべくとら むしやうがい こ ちてきしやうがい とくべつ しえん がっこう たいしゅう
知的障害のある自閉症スペクトラム障害のお子さんは、知的障害のある特別支援学校の対象に
なります。

しょうにんずう がっきゅう しやうがい おう せんもんてき きやういく おこな
少人数の学級で、障害に応じた専門的な教育を行っています。



[Tham khảo] Địa điểm giáo dục cho trẻ cần hỗ trợ đặc biệt (Giáo dục hỗ trợ đặc biệt)

Trường tiểu học/Trường trung học cơ sở

Lớp bình thường

Có sự quan tâm và dành nhiều công sức cho trẻ cần hỗ trợ đặc biệt trong sinh hoạt tập thể.

Hướng dẫn đặc biệt dành cho trẻ khuyết tật (Lớp học hướng dẫn đặc biệt dành cho trẻ khuyết tật)

Trẻ sẽ học hầu hết các giờ học tại trường bình thường, và chỉ đến lớp học đặc biệt vào thời gian qui định (một vài lần mỗi tháng hoặc mỗi tuần).

Trẻ có thể được hỗ trợ riêng về các vấn đề trong học tập và sinh hoạt.

Lớp hỗ trợ đặc biệt

Đây là lớp với số lượng học sinh ít.

Lớp này tùy theo khuyết tật của trẻ thuộc đối tượng mà được chia thành 6 loại gồm có thị lực kém, thính giác kém, khuyết tật trí tuệ, bại liệt, hay ốm đau/thể lực kém, tự kỉ/rối loạn cảm xúc.

Loại hình và số lượng lớp được bố trí khác nhau tùy theo trường.

***Cũng có trường không bố trí "Lớp học hướng dẫn đặc biệt dành cho trẻ khuyết tật" hay "Lớp hỗ trợ đặc biệt".**

Trường hỗ trợ đặc biệt

Đây là trường dành riêng cho trẻ bị khuyết tật về thị lực, khuyết tật về thính lực, bại liệt, đau ốm, khuyết tật trí tuệ.

Đối với trẻ bị hội chứng rối loạn phổ tự kỷ bị khuyết tật trí tuệ thì sẽ là đối tượng tiếp nhận của trường hỗ trợ đặc biệt có lớp khuyết tật trí tuệ.

Trường tiến hành giảng dạy chuyên môn tùy theo loại khuyết tật trong các lớp với số lượng học sinh ít.





そう だ ん 相談をしましょう

こ とくちょう はったつ ちが しんぱい
子どもの特徴や発達のはかたはひとりひとり違います。心配な
ことがあればはや そう だ ん こ とくちょう あ たいおう
することが大切です。

こ そだ なや こ はったつ しんぱい し く ちょうそん
○子育ての悩みや、お子さんの発達で心配なことなどは、まずは市区町村の
ほ けん し そう だ ん
保健師に相談しましょう。

ほ いくし ょう ち えん かよ ば あい こ ようす ふ だ ん
○保育所・幼稚園に通っている場合は、お子さんの様子について、普段から
ほ いく し は な あ
保育士とよく話し合しましょう。

し く ちょうそん はったつ そう だ ん い ん こ べ つ そう だ ん じゅん かい そう だ ん お こ な
○市区町村によっては、発達相談員による個別相談や、巡回相談を行っています。

し く ちょうそん お や こ いっしょ かよ こ そだ し えん きょうしつ ひら
○市区町村によっては、親子で一緒に通う子育て支援の教室を開いています。
こ はったつ あ かか かた まな
お子さんの発達に合った関わり方を学ぶことができます。

ば し ょ そう だ ん こんな場所でも相談できます

ほ けん じ ょ ほ けん せ ん た ー
○保健所、保健センター

じ どう はったつ し えん せ ん た ー
○児童発達支援センター

こ そだ し えん せ ん た ー ひろ ば
○子育て支援センター、つどいの広場など



そう だ ん ひ と ば し ょ まどぐち し く ちょうそん
※相談できる人・場所(窓口)は、市区町村によってちがいます。

ほ けん し き
くわしいことは、保健師に聞いてください。



Hãy nhờ tư vấn

Đặc điểm và sự phát triển của mỗi đứa trẻ có sự khác biệt. Quan trọng là hãy sớm nhờ tư vấn nếu có mối lo và có biện pháp xử lý phù hợp với đặc điểm của trẻ.

- Trước tiên, hãy nhờ chuyên viên chăm sóc sức khỏe của thành phố quận thị trấn xã phường tư vấn về những trăn trở trong việc nuôi con và những mối lo về sự phát triển của trẻ.
- Nếu trẻ đang đi nhà trẻ/trường mẫu giáo thì hãy thường xuyên trao đổi với chuyên viên nuôi dạy trẻ về tình trạng hàng ngày của trẻ.
- Tùy theo mỗi thành phố quận thị trấn xã phường, chuyên viên tư vấn về phát triển sẽ thực hiện tư vấn riêng hoặc tư vấn vòng quanh trường học.
- Tùy theo mỗi thành phố quận thị trấn xã phường, có thể có mở lớp học hỗ trợ nuôi dạy trẻ mà cha mẹ có thể cùng tham gia với con. Cha mẹ có thể học về cách gắn bó phù hợp với sự phát triển của con.

Có thể nhờ tư vấn ở những địa điểm sau



- Phòng chăm sóc sức khỏe, trung tâm chăm sóc sức khỏe
- Trung tâm hỗ trợ phát triển trẻ em
- Trung tâm hỗ trợ nuôi con, nơi giao lưu giữa các bậc cha mẹ đang nuôi con



- * Người/địa điểm (quầy liên hệ) có thể nhờ tư vấn khác nhau tùy theo từng thành phố quận thị trấn xã phường. Hãy liên hệ hỏi chuyên viên chăm sóc sức khỏe về thông tin chi tiết.

^す ^{し く ちょうそん} ^{そうだん き かん} お住まいの市区町村の相談機関

^{し く ちょうそん}
 市区町村には、^{そうだんまどぐち}
 いろいろな相談窓口があります。

^こ
 お子さんのこと^{しんぱい}
 で心配があったら^{そうだん}
 相談してみましょう。

^{めいしょう} 名称	^{たいしょうじ} 対象者	^{ようび じかん} 曜日・時間	^{でんわばんごう} 電話番号	^{つうやく} 通訳
	^{たいおう} 対応している相談内容			
[記入例] ○口市子ども発達センター	18歳未満の子ども、保護者	月～金 9時～17時 祝日休み	(04) 〇〇〇-〇〇〇	△一部可能(〇〇語)
	例) 子どもの発達に関する相談、検査、妊娠、出産、子育ての相談			

Cơ quan tư vấn của thành phố quận thị trấn xã phường nơi đang sống

Có rất nhiều quầy tiếp nhận tư vấn tại thành phố quận thị trấn xã phường.

Hãy thử xin tư vấn nếu có mối lo về con mình.

Tên	Đối tượng	Thứ trong tuần/Giờ	Số điện thoại	Phiên dịch
[Ví dụ về cách ghi] Trung tâm phát triển trẻ em thành phố XXX	Trẻ dưới 18 tuổi, phụ huynh	Từ thứ Hai - thứ Sáu, 9:00 - 17:00 Nghỉ ngày lễ	(04) ○○○-○○○	Có thể phụ trách một phần △ (tiếng XXX)
	Ví dụ: Xin tư vấn về sự phát triển của trẻ, tư vấn về xét nghiệm, mang thai, sinh con, nuôi con			



はったつしょうがい 発達障害とは



「発達障害」は、脳の機能の発達が関係する、多くは生まれつきの障害です。
発達障害には下の図のようないくつかのタイプがあります。同じ障害でも特徴のあらわれかたには個人差があります。また、いくつかの発達障害をもっている人もいます。

ちてきははったつ おく
知的発達が遅れる
こともある

こうはんせいのはったつしょうがい
広汎性発達障害

じへいしょうす べくとら むしょうがい
(自閉症スペクトラム障害 ASD)

じへいしょう
自閉症

あす べる が ーしょうぐん
アスペルガー症候群

- ことば はったつ おく
言葉の発達の遅れ
(アスペルガー症候群では、ことばの遅れはみられません)
- こみゆにけーしょん むずか
コミュニケーションの難しさ
- たいじんかんけい しゃかいせい もんだい
対人関係・社会性の問題
- ばたーん か こうどう
パターン化した行動
- きょうみ
興味の持続、こだわり
- かんかく かびん どんかん ぶきよう
感覚が過敏、または鈍感、不器用など

ちゅういけつかんたどうせいしょうがい
注意欠陥多動性障害 AD/HD

ちゅういけつじょ たどうしょう ちゅういけつじょ たどうせいしょうがい
(注意欠如・多動症、注意欠如・多動性障害)

- しゅうちゅう
集中できない
- じっとしてられない
- しょうどうき こうどう
衝動的に行動する

がくしゅうしょうがい
学習障害 LD

げんきよくせいがくしゅうしょう げんきよくせいがくしゅうしょうがい
(限局性学習症、限局性学習障害)

- ぜんたいてき ちてきははったつ おく
全体的な知的発達は遅れていないが、「読む」、「書く」、「計算する」ことのどれかが大変苦手

※このほか、とうれつしょうぐん きておん しょう はったつせいきょうようんどうしょうがい
なども発達障害に分類されています。

発達障害者支援法における発達障害の定義（2条）…

「発達障害とは、発達障害（自閉症、アスペルガー症候群その他の広汎性発達障害、学習障害、注意欠陥多動性障害などの脳機能の障害で、通常低年齢で発現する障害）がある者であって、発達障害および社会的障壁により日常生活または社会生活に制限を受けるもの」 ※ICD-10 における F80-98 に含まれる障害

Khuyết tật phát triển là gì

"Khuyết tật phát triển" đa phần là khuyết tật bẩm sinh có liên quan đến sự phát triển chức năng của não bộ. Khuyết tật phát triển gồm các loại như sơ đồ dưới đây. Ngay cả với cùng một loại khuyết tật, đặc trưng thể hiện ở mỗi cá nhân cũng khác nhau. Ngoài ra, cũng có người có cùng lúc nhiều loại khuyết tật.

Cũng có khi bị chậm
phát triển trí tuệ

Khuyết tật phát triển lan tỏa

(Hội chứng rối loạn phổ tự kỷ ASD)

Tự kỷ

Hội chứng Asperger

- Chậm phát triển ngôn ngữ
(Không có biểu hiện chậm phát triển ngôn ngữ trong hội chứng Asperger)
- Gặp khó khăn trong giao tiếp
- Có vấn đề trong mối quan hệ với người khác, có vấn đề về tính xã hội
- Hành động theo xu hướng lặp đi lặp lại
Chỉ hứng thú với một số thứ nhất định, câu nệ
- Quá mẫn cảm hoặc vô cảm, thiếu sự khéo léo v.v...

Rối loạn tăng động giảm chú ý AD/HD

(Hội chứng tăng động - giảm chú ý, rối loạn tăng động - giảm chú ý)

- Không thể tập trung
- Không thể đứng yên ngồi yên
- Có hành động bột phát

Khuyết tật học tập LD

(Hội chứng học tập cụ thể, khuyết tật học tập cụ thể)

- Sự phát triển trí tuệ về mặt tổng thể không bị chậm nhưng rất kém về "Đọc", "Viết", "Làm toán"

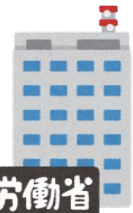
* Ngoài ra, còn có các loại khuyết tật phát triển như là hội chứng Tourette, bệnh nói lắp, rối loạn phối hợp vận động v.v...

Định nghĩa về khuyết tật phát triển theo Luật hỗ trợ người khuyết tật phát triển (Điều 2)...

"Người khuyết tật phát triển là người có khuyết tật về sự phát triển (rối loạn về chức năng của não như bệnh tự kỷ, hội chứng Asperger và những khuyết tật phát triển lan tỏa khác, khuyết tật học tập, rối loạn tăng động giảm chú ý, và các khuyết tật thường phát hiện ở lứa tuổi nhỏ) bị hạn chế trong sinh hoạt hàng ngày và sinh hoạt xã hội do khuyết tật phát triển và trở ngại về mặt xã hội" * Khuyết tật thuộc mã F80-98 trong ICD-10

はったつしょうがいしゃしえんほう 発達障害者支援法について

厚生労働省



にほん はったつしょうがいしゃしえんほう ほうりつ はったつしょうがい かた こ
日本には「発達障害者支援法」という法律があります。発達障害のある方(子どもから
おとな かぞく ささ ほうりつ
大人まで)やその家族を支えるための法律です。

はったつしょうがいしゃしえんほう はったつしょうがい こ すこ そだ かぞく あんしん
発達障害者支援法は、発達障害のある子どもが健やかに育ち、その家族が安心して
こ そだ ちいきしゃかい めざ
子育てができる地域社会づくりを目指しています。

はったつしょうがいしゃしえんせんたー 発達障害者支援センターについて

はったつしょうがい かた かぞく あんしん せいかつ ちいき
発達障害のある方やその家族が安心して生活できるように、地域にはいろいろな
そうだんきかん
相談機関があります。

はったつしょうがいしゃしえんせんたー かくとどうふけん しえん ちゅうしんてき やくわり は
「発達障害者支援センター」は、各都道府県における支援の中心的な役割を果たし
ています。すべ とどうふけん せいれいしていとし
すべての都道府県・政令指定都市にあります。

ぜんこく はったつしょうがいしゃしえんせんたー かん じょうほう した うえぶさいと の
○全国の発達障害者支援センターに関する情報は下のウェブサイトにあります。

はったつしょうがいじょうほう しえんせんたー
発達障害情報・支援センター

<http://www.rehab.go.jp/ddis/>



す ちいき はったつしょうがいしゃしえんせんたー
【お住まいの地域の発達障害者支援センター】

せんたーめい
センター名：

れんらくさき
連絡先：

Về Luật hỗ trợ người khuyết tật phát triển



Tại Nhật có bộ luật "Luật hỗ trợ người khuyết tật phát triển". Đây là luật hỗ trợ cho người có khuyết tật phát triển (từ trẻ em đến người lớn) và gia đình của họ.

Luật hỗ trợ người khuyết tật phát triển hướng tới việc xây dựng xã hội địa phương mà trong đó trẻ có khuyết tật phát triển sẽ được nuôi dạy khỏe mạnh, gia đình của trẻ có khuyết tật có thể an tâm nuôi con.

Về trung tâm hỗ trợ người khuyết tật phát triển

Có rất nhiều cơ quan tư vấn trong địa phương nhằm đảm bảo người có khuyết tật phát triển và gia đình của họ có thể an tâm sinh sống.

"Trung tâm hỗ trợ người khuyết tật phát triển" đóng vai trò trung tâm trong việc hỗ trợ tại các tỉnh. Trung tâm này có ở tất cả các tỉnh/thành phố được pháp lệnh quy định.

- Thông tin về trung tâm hỗ trợ người khuyết tật phát triển trên toàn quốc có ghi trong trang Web dưới đây.

Trung tâm thông tin và hỗ trợ khuyết tật phát triển

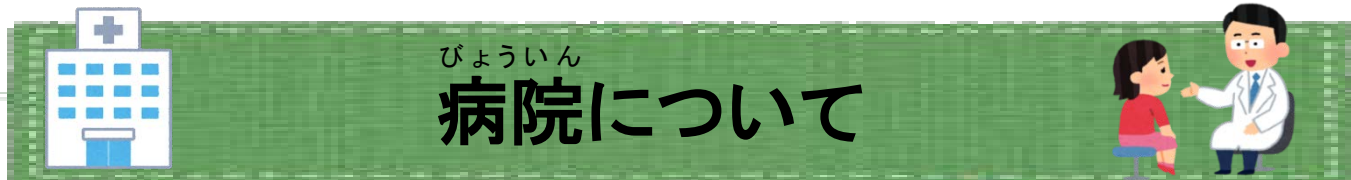
<http://www.rehab.go.jp/ddis/>



[Trung tâm hỗ trợ người khuyết tật phát triển tại địa phương bạn đang sống]

Tên trung tâm:

Địa chỉ liên hệ:



はったつしょうがい しんだん せんもん い し しょうにかい じどうせいしんかい おこな
発達障害の診断は、専門の医師(小児科医、児童精神科医)が行います。

い し しんさつ きぼう つぎ じゅんび
医師の診察を希望されるなら、次のような準備をしましょう。

せんもん い し びょういん しら し くちょうそん ほけんし はったつしょうがいしゃしえん
○専門の医師のいる病院を調べましょう。市区町村の保健師や発達障害者支援

せんたー そうだん おお びょういん よやくせい
センターなどに相談しましょう(多くの病院は予約制です)。

はじ しんさつ とし けんこうほけんしょう ほ し けんこうてちょう も
○初めての診察の時は、健康保険証と母子健康手帳を持っていきましょう。

こ しんばい いえ ほいくしょ ようす まえ
○お子さんのことで心配なことや、家や保育所での様子について、前もってまとめ、
か
書いておくといいでしょう。



けんさ こべつりょうほう 検査、個別療法

びょういん ひつよう せんもん しょくいん けんさ こべつりょうほう
病院では、必要があれば、専門の職員が検査や個別療法をします。

けんさ ちのう はったつけんさ ちょうりよくけんさ のうはけんさ
検査には知能・発達検査、聴力検査、脳波検査などがあります。

こべつりょうほう りがくりょうほう さぎょうりょうほう げんごちょうかくりょうほう しんりりょうほう
個別療法には理学療法、作業療法、言語聴覚療法、心理療法があります。

こ じょうたい じっし ないよう こと
お子さんの状態によって実施する内容は異なります。

こ はったつしょうがい しんだん お子さんが発達障害と診断されたら・・・

こ はったつしょうがい しんだん しんばい かんきょう くふう
お子さんが発達障害と診断されて、ご心配なことでしょう。しかし、環境の工夫や

てきせつ かた こ じょうたい ちゃくじつ よ
適切なかわり方で、お子さんの状態は着実に良くなっていきます。

たいおう しかた たんとう い し せんもん しょくいん そうだん
対応の仕方については、担当の医師や専門の職員に相談しましょう。



Về bệnh viện

Việc chẩn đoán khuyết tật phát triển sẽ do bác sĩ chuyên khoa tiến hành (bác sĩ khoa nhi, bác sĩ khoa thần kinh nhi). Hãy chuẩn bị như sau nếu có nguyện vọng được bác sĩ khám:

- Hãy tìm bệnh viện có bác sĩ chuyên khoa. Hãy nhờ chuyên viên chăm sóc sức khỏe hay trung tâm hỗ trợ người khuyết tật phát triển ở thành phố quận thị trấn xã phường v.v... tư vấn. (Nhiều bệnh viện phải đăng kí trước)
- Hãy mang theo thẻ bảo hiểm y tế và sổ sức khỏe bà mẹ trẻ em trong lần khám đầu.
- Nên tổng hợp trước và ghi sẵn về những mối lo đối với trẻ, tình trạng ở nhà và ở nhà trẻ.



Kiểm tra và phương pháp trị liệu riêng lẻ

Tại bệnh viện, nếu thấy cần thiết nhân viên chuyên khoa sẽ kiểm tra hoặc thực hiện phương pháp trị liệu riêng lẻ.

Kiểm tra bao gồm kiểm tra trí tuệ và sự phát triển, kiểm tra thính lực, kiểm tra sóng não v.v...

Phương pháp trị liệu riêng lẻ bao gồm trị liệu vật lý, trị liệu cơ năng, trị liệu ngôn ngữ thính giác, trị liệu tâm lý v.v...

Nội dung thực hiện sẽ khác nhau tùy theo tình trạng của trẻ.

Nếu trẻ được chẩn đoán là có khuyết tật phát triển...

Chắc quý vị phụ huynh sẽ rất lo khi trẻ được chẩn đoán là có khuyết tật phát triển phải không. Tuy nhiên, tình trạng của trẻ chắc chắn sẽ cải thiện nhờ vào việc bỏ công sức xây dựng môi trường và gắn bó một cách thích hợp.

Hãy nhờ bác sĩ phụ trách và nhân viên chuyên môn tư vấn về cách xử lý.



かいてき す くすり りょう 快適に過ごすための薬の利用

い し しんさつ くすり ひつよう はんだん ばあい くすりの すす
医師が診察をして薬が必要だと判断した場合には、薬を飲むことを勧められます。

くすり こうか ふくさよう たんとう い し じゅうぶんはな あ
薬の効果や副作用について、担当の医師と十分話し合ひましょう。

はったつしょうがい くすり なお
発達障害そのものを薬で治すことはできません。

はったつしょうがい こ しょうじょう くすり
しかし、発達障害のお子さんによくみられる症状のなかには、薬でやわらげることがで
きるものもあります。

だいひょうてき くすり 【代表的な薬】

- | | |
|------------------------------|---|
| ちゅうすうしんけい し げきやく
○中枢神経刺激薬 | ちゅういけっかんたどうせいしょうがい た どう ふちゅうい しょうどうせい かる
注意欠陥多動性障害の多動、不注意、衝動性を軽くします。 |
| こうふあんやく
○抗不安薬 | ふあん き も かる
不安な気持ちを軽くします。 |
| こうせいしんびょうやく
○抗精神病薬 | はげ こうふん もうそう
激しい興奮や妄想などをやわらげます。 |
| こう やく
○抗てんかん薬 | てんかん ほっさ おさ
てんかん発作を抑えます。 |
| すいみんやく
○睡眠薬 | すいみん り ず む ととの
睡眠のリズムを整えます。 |



くすり しょうじょう こ かいてき す
薬によって症状がやわらぐと、お子さんがもっと快適に過ごしやすくなります。
き かいすう りょう まも の
決められた回数と量を守って飲みましょう。

びょういん い し せんもん しょくいん せつめい
☆病院の医師や専門の職員の説明で、よくわからないことがあったら、

えんりょ しつもん
遠慮しないで質問しましょう。

ほ け けん し ほいくしょ ようちえん せんせいたち みちか たよ そんざい
☆保健師や保育所・幼稚園の先生達なども、身近な頼れる存在です。

こ ようす ふだん はな あ いっしょ こ
お子さんの様子について普段からよく話し合い、みんなで一緒にお子さんの

せいちょう はったつ みまも
成長や発達を見守りましょう。





Sử dụng thuốc để cảm thấy dễ chịu

Nên cho trẻ uống thuốc nếu bác sĩ khám và đánh giá rằng sử dụng thuốc là cần thiết. Hãy trao đổi đầy đủ với bác sĩ phụ trách về công dụng và tác dụng phụ của thuốc.

Bản thân khuyết tật phát triển không thể chữa khỏi bằng thuốc.

Tuy nhiên, trong các triệu chứng thường thấy ở trẻ có khuyết tật phát triển thì cũng có triệu chứng có thể làm dịu bằng thuốc.

[Các loại thuốc điển hình]

- | | |
|---|---|
| ● Thuốc kích thích thần kinh trung ương | Làm giảm nhẹ sự tăng động, giảm chú ý và sự kích động của khuyết tật rối loạn tăng động giảm chú ý. |
| ● Thuốc an thần | Làm giảm nhẹ cảm giác bất an. |
| ● Thuốc chống loạn thần | Làm dịu cơn hưng phấn dữ dội và hoang tưởng. |
| ● Thuốc chống động kinh | Trấn áp cơn động kinh. |
| ● Thuốc ngủ | Điều chỉnh nhịp độ giấc ngủ. |



Nếu nhờ vào thuốc mà triệu chứng dịu đi thì trẻ sẽ cảm thấy thoải mái hơn. Hãy cho trẻ uống đủ số lần và đúng liều lượng thuốc đã quy định.

- ☆ Nếu có điều gì không hiểu về giải thích của bác sĩ và nhân viên chuyên môn tại bệnh viện thì hãy mạnh dạn hỏi.
- ☆ Chuyên viên chăm sóc sức khỏe và giáo viên tại nhà trẻ hay trường mẫu giáo là những người gần gũi có thể trông cậy được.

Hãy thường xuyên trao đổi về tình trạng thường ngày của trẻ và hãy cùng bảo vệ sự trưởng thành và phát triển của trẻ.





しょうがいしゃてちょう

障害者手帳について



しょうがい しょうがいしゃてちょう も しょうがい しゅるい
障害があることを示す手帳(障害者手帳)を持っていると、障害の種類や

ていど ふうしきーびす てあてきん りょう
程度によって、いろいろな福祉サービス(手当金など)を利用することができます。

てちょう ひと やくしょ てつづ
手帳がほしい人は、役所で手続きをします。

てちょう しょうがい しゅるい りょういくてちょう せいしんしょうがいしゃほけん ふくしてちょう
手帳には、障害の種類によって「療育手帳」、「精神障害者保健福祉手帳」、

しんたいしょうがいしゃてちょう しゅるい
「身体障害者手帳」の3種類があります。

てちょう ふうしきーびす う ばあい てつづ かんたん
* 手帳があると、福祉サービスを受ける場合の手続きが簡単になります。

てあてきん きんがく しょうがい しゅるい ていど
* 手当金などの金額は、障害の種類や程度によってちがいます。

たいしょうしゃ さーびす ないよう し くちようそん いちぶ
* 対象者、サービスの内容などは、市区町村によって一部ちがいます。

す し くちようそん ふくしたんとうまどぐち
くわしいことは、お住まいの市区町村の福祉担当窓口におたずねください。



【 例 】

てあてきん
○手当金がもらえます。

びやういん はら かね いちぶ もど
○病院に払ったお金の一部が戻ってきます。

ぜいきん やす
○税金が安くなります。

でんしゃ ば す こうくうき こくないせん りょうきん やす
○電車、バス、航空機(国内線)などの料金が安くなります。

ゆうりょうどうろ りょうきん やす
○有料道路の料金が安くなります。

さーびす
・ほかにも、いろいろなサービスがあります





Về sổ tay người khuyết tật



Nếu có sổ tay chứng minh về khuyết tật (Sổ tay người khuyết tật) thì tùy theo loại khuyết tật và mức độ mà có thể sử dụng nhiều loại dịch vụ phúc lợi xã hội (như tiền hỗ trợ v.v...). Người có nguyện vọng nhận sổ tay cần làm thủ tục đăng kí tại cơ quan hành chính.

Tùy theo loại khuyết tật, sổ tay chia thành 3 loại "Sổ tay chăm sóc phục hồi", "Sổ tay bảo vệ sức khỏe và phúc lợi của bệnh nhân tâm thần", "Sổ tay người khuyết tật cơ thể".

- * Nếu có sổ tay thì thủ tục tiếp nhận sử dụng dịch vụ phúc lợi xã hội sẽ dễ dàng hơn.
- * Số tiền như tiền hỗ trợ v.v...thay đổi tùy theo loại và mức độ khuyết tật.
- * Người thuộc đối tượng hay nội dung dịch vụ v.v...cũng có phần nào đó khác biệt tùy theo thành phố quận thị trấn xã phường.



Chi tiết xin hãy liên hệ hỏi quầy phụ trách phúc lợi xã hội của thành phố quận thị trấn xã phường nơi bạn đang sống.

[Ví dụ]

- Có thể nhận tiền hỗ trợ.
- Một phần chi phí trả cho bệnh viện sẽ được hoàn lại.
- Được giảm thuế.
- Chi phí tàu điện, xe buýt, máy bay (tuyến nội địa) v.v...được giảm.
- Chi phí các tuyến đường mất phí được giảm.
- Ngoài ra còn nhiều dịch vụ khác.



りょういくてちょう 療育手帳

たいしやう 対象

- ち て きしょうがい ひと
○知的障害がある人
- はったつしょうがい ち て きしょうがい ひと
○発達障害と知的障害がある人



ほうほう 方法

- じどうそうだんじょ じどうそうだんせんたー しょうがい ていど はんてい
○児童相談所(児童相談センター)で、障害の程度などを判定してもらいます
(18歳以上の人は、知的障害者更生相談所でおこないます)。

き 気をつけること

ち て きしょうがい はったつ しょうがい ていど か かとうせい
知的障害は、発達にしたがって障害の程度が変わる可能性があります。そのため、決められた
じ き さいはんてい じ き す とどうふけん
時期に再判定をすることになっています。時期は、お住まいの都道府県などによってちがいます。

せいしんしょうがいしゃほけんふくしてちょう 精神障害者保健福祉手帳

たいしやう 対象

- つぎ せいしんしょうがい せいかつ えんじょ ひつよう じやうたい つづ ひと
○次のような精神障害があつて、生活に援助が必要な状態が続いている人
- はったつしょうがい びよう びよう きぶんしょうがい とうごうしつちやうしやう
・発達障害 ・うつ病、そううつ病などの気分障害 ・統合失調症
- てんかん やくぶついぞんしやう こうじのうきのうしょうがい
・てんかん ・薬物依存症 ・高次脳機能障害
- せいしんしっかん す とれ すかんれんしょうがい
・その他の精神疾患(ストレス関連障害など)

ほうほう 方法

- し く ちやうそん まどぐち てつづ
○市区町村の窓口で手続きをします。

- つぎ しやるい ひつよう
○次の書類が必要です。

- まどぐち しんせいしよ
① 窓口にある申請書
- い し しんだんしよ しょうがいねんきん ひと じゆきやうしやうしよ こびー
② 医師の診断書 (障害年金をもらっている人は、受給証書のコピーでもよい)
- ほんにん しやしん
③ 本人の写真



き 気をつけること

ねん こうしんてつづ ひつよう とき い し しんだんしよ ひつよう
2年ごとに、更新手続きが必要です。その時には、いつも医師の診断書が必要です。

Sổ tay chăm sóc phục hồi

Đối tượng

- Người có khuyết tật trí tuệ
- Người có khuyết tật phát triển và khuyết tật trí tuệ



Phương pháp

- Sẽ nhờ cơ sở tư vấn trẻ em (Trung tâm tư vấn trẻ em) giám định mức độ khuyết tật v.v... (Người từ 18 tuổi trở lên sẽ thực hiện giám định tại cơ sở tư vấn phục hồi người khuyết tật trí tuệ)

Điều cần chú ý

Khuyết tật trí tuệ có khả năng thay đổi mức độ khuyết tật tùy theo tình trạng phát triển. Vì vậy, cần phải giám định lại theo từng thời kì được ấn định. Thời kì giám định khác nhau tùy theo từng tỉnh.

Sổ tay bảo vệ sức khỏe và phúc lợi cho bệnh nhân tâm thần

Đối tượng

- Người có các rối loạn tâm thần như sau và liên tục trong tình trạng cần hỗ trợ trong sinh hoạt.
 - Rối loạn phát triển • Rối loạn cảm xúc như bị bệnh trầm cảm, rối loạn lưỡng cực • Tâm thần phân liệt • Động kinh • Chứng nghiện thuốc • Rối loạn chức năng não cao độ • Các bệnh tâm thần khác (rối loạn liên quan đến stress v.v...)

Phương pháp

- Làm thủ tục đăng kí tại quầy tiếp nhận của thành phố quận thị trấn xã phường.
- Cần các giấy tờ như sau.
 - ① Đơn đăng kí có tại quầy tiếp nhận
 - ② Giấy chẩn đoán của bác sĩ (Người đang nhận lương hưu của người khuyết tật thì chỉ cần copy giấy chứng minh nhận lương là được)
 - ③ Ảnh của đối tượng đăng kí



Điều cần chú ý

Cần phải làm thủ tục gia hạn 2 năm 1 lần. Mang theo giấy chẩn đoán của bác sĩ.

さん こうじょうほう

参考情報

びょういん そうだんきかん がいこくご はな しょくいん ほんやくあぷり たいおう
病院や相談機関によっては、外国語を話せる職員がいたり、翻訳アプリで対応を
しているところもあります。

いちぶ ちいき じちたい つうやくしゃ はけん さーびす
一部の地域では、自治体が通訳者を派遣するサービスもあります。

がいこくご そうだん さーびす
外国語での相談サービスなど



がいこく かた りよう でんわそうだん さーびす はったつしょうがい そうだん
外国の方が利用できる電話相談サービスがあります。発達障害のことを相談する
専用の相談窓口ではありません。しかし、あなたやお子さんがよく話せる言葉で
しんりよう びょういん つうやくしゃ そうだん
診療をしてくれる病院や通訳者について、相談にのってくれます。

◆ 定住外国人施策ポータルサイト

どうふけん こくさいこうりゅうきょうかい でんわそうだんまどぐちいちらん み
都道府県の国際交流協会による電話相談窓口一覧を見ることができます。

<https://www8.cao.go.jp/teiju-portal/jpn/index.html>

http://www.moj.go.jp/nyuukokukanri/kouhou/nyuukokukanri10_00047.html

◆ 電話相談による情報サービス AMDA国際医療情報センター

ぼこくご しんりよう う いりょうきかん しょうかい いりょうふくしせいど
あなたの母国語で診療を受けることができる医療機関の紹介や、医療福祉制度の
あんない おこな にほんご たいおう
案内を行っています(※わかりやすい日本語で対応いたします)。

とうきょうおふい すじむきょく げつようび きんようび
東京オフィス事務局(月曜日から金曜日10:00~15:00)

でんわばんごう
電話番号: 03-6233-9266

<https://www.amdamedicalcenter.com/>



Thông tin tham khảo

Tùy theo bệnh viện và cơ quan tư vấn mà có thể có nhân viên nói được tiếng nước ngoài hoặc sử dụng ứng dụng biên dịch để xử lý.

Tại một số vùng, chính quyền địa phương còn có dịch vụ phái cử phiên dịch.

Dịch vụ tư vấn bằng tiếng nước ngoài



Có dịch vụ tư vấn bằng điện thoại dành cho người nước ngoài. Đó không phải là quầy tiếp nhận tư vấn chuyên môn mà có thể tư vấn về khuyết tật phát triển. Tuy nhiên, có thể nhờ tư vấn về bệnh viện mà bạn và con bạn có thể khám chữa bệnh bằng ngôn ngữ mẹ đẻ và về phiên dịch viên.

◆ Trang thông tin về chính sách dành cho người nước ngoài định cư dài hạn

Có thể xem danh sách quầy tiếp nhận tư vấn bằng điện thoại của hội giao lưu quốc tế tại các tỉnh.

<https://www8.cao.go.jp/teiju-portal/jpn/index.html>

http://www.moj.go.jp/nyuukokukanri/kouhou/m_nyuukokukanri10_00006.html

◆ Dịch vụ thông tin tư vấn bằng điện thoại

Trung tâm thông tin y tế quốc tế AMDA

Trung tâm giới thiệu cơ quan y tế mà bạn có thể khám chữa bệnh bằng ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc hướng dẫn về chế độ phúc lợi y tế. (*Trao đổi bằng tiếng Nhật dễ hiểu)

Phòng hành chính Văn phòng Tokyo (Từ thứ Hai đến thứ Sáu 10:00 – 15:00)

Số điện thoại: 03-6233-9266

<https://www.amdamedicalcenter.com/activities>



ほんやくあぶり 翻訳アプリ

◆ Google^{ほんやく}翻訳^{かいはつ} [開発: google, Inc.]

テキスト翻訳、カメラ翻訳、手書き翻訳、音声翻訳ができるアプリです。

ダウンロード、ご利用もすべて無料です。

Google Play や、App Store からダウンロードしましょう。



◆ 多言語音声翻訳アプリ VoiceTra^{ほいすたら} (ボイストラ)

[開発: NICT (国立研究開発法人情報通信研究機構)]

話しかけると外国語に翻訳してくれる音声翻訳アプリです。

翻訳できる言語は 31 言語で、ダウンロード、ご利用もすべて無料です。

<http://voicetra.nict.go.jp/>



Ứng dụng biên dịch

◆ Biên dịch Google (Phát triển: google, Inc)

Đây là ứng dụng biên dịch bằng văn bản, biên dịch thông qua máy ảnh, biên dịch bằng chữ viết tay, biên dịch bằng giọng nói.

Download và sử dụng tất cả đều miễn phí.

Hãy download từ Google Play hoặc App Store.



◆ Ứng dụng phiên dịch giọng nói đa ngôn ngữ Voice Tra

(Phát triển: NICT (Viện nghiên cứu quốc gia về công nghệ thông tin và truyền thông))

Đây là ứng dụng phiên dịch giọng nói có thể phiên dịch những gì đã nói sang ngoại ngữ khác.

Ứng dụng này có thể phiên dịch 31 ngôn ngữ, download và sử dụng tất cả đều miễn phí.

<http://voicetra.nict.go.jp/en/index.html>



がっこうきょういく かん じょうほう 学校教育に関する情報

◆ がっこうきょういくぜんぱん かん じょうほう さ い と も ん ぶ か が く し ょ う 学校教育全般に関する情報サイト【文部科学省】

○ CLARINET へようこそ

かいがいし じょきょういく きこく がいこくじん じどうせい と きょういく など かん う え ぶ さ い と
海外子女教育、帰国・外国人児童生徒教育等に関するウェブサイトです。

http://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/clarinet/003.htm



○ かすたねっと(CASTA-NET)

がいこく じどう せい と がくしゅう し え ん じょうほうけんさく さ い と
外国につながるのがある児童・生徒の学習を支援する情報検索サイトです。

<https://casta-net.mext.go.jp/>



○ た げ ん ご が っ こ う ぶ ろ じ え く と 多言語・学校プロジェクト

が っ こ う が い こ く じ ど う せい と か て い
学校と、外国につながるのがある児童生徒の家庭をつなぐ、
た げ ん ご ぶ ん し ょ う さ く せい し え ん さ い と
多言語文書作成支援サイトです。

<http://www.tagengo-gakko.jp/index.html>



は っ た つ し ょ う が い かん じょうほう 発達障害に関する情報

○ は っ た つ し ょ う が い じ ょ う ほう し え ん せ ん た ー 発達障害情報・支援センター

は っ た つ し ょ う が い かん きほんてき じょうほう は っ た つ し ょ う が い とくせい たいおう は っ た つ し ょ う が い ささ せいど にほん と く
発達障害に関する基本的な情報、発達障害の特性と対応、発達障害を支える制度、日本の取り組みや
せかい うご かん さいしん しんらい じょうほう み
世界の動きなどに関して、最新かつ信頼できる情報を見ることができます。

<http://www.rehab.go.jp/ddis/>



○ は っ た つ し ょ う が い き ょ う い く す い し ん せ ん た ー 発達障害教育推進センター

は っ た つ し ょ う が い こ し え ん し ど う ほう ほう は っ た つ し ょ う が い かん けんきゅう きょうざい し え ん き き み
発達障害のある子どもの支援・指導方法、発達障害に関する研究や教材、支援機器を見ることができます。
また、きょういんむ どうが けんしゅうこうぎ くに せ さく ほうれい み
また、教員向けの動画による研修講義や、国の施策・法令なども見ることができます。

http://licedd_new.nise.go.jp/



Thông tin liên quan đến giáo dục học đường

◆ Trang thông tin tổng quan về giáo dục học đường

[Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản]

● Xin chào mừng đến với CLARINET

Đây là trang Web về giáo dục trẻ em tại nước ngoài, giáo dục học sinh và trẻ em người nước ngoài/trẻ em lúc về nước.

http://www.mext.go.jp/a_menu/shotou/clarinet/003.htm



● CASTA-NET

Đây là trang web tìm kiếm thông tin hỗ trợ học tập cho trẻ em và học sinh có mối liên hệ với nước ngoài.

<https://casta-net.mext.go.jp/>



● Dự án đa ngôn ngữ/trường học

Đây là trang web hỗ trợ soạn thảo văn bản đa ngôn ngữ, kết nối trường học và gia đình của trẻ em và học sinh có mối liên hệ với nước ngoài.

<http://www.tagengo-gakko.jp/index.html>



Thông tin liên quan đến khuyết tật phát triển

● Trung tâm thông tin và hỗ trợ khuyết tật phát triển

Có thể xem những thông tin đáng tin cậy mới nhất như là thông tin cơ bản về khuyết tật phát triển, đặc tính và cách xử lý khuyết tật phát triển, chế độ hỗ trợ khuyết tật phát triển, những nỗ lực thực hiện ở Nhật và các hoạt động trên thế giới.

<http://www.rehab.go.jp/ddis/>



● Trung tâm xúc tiến giáo dục khuyết tật phát triển

Có thể xem phương pháp hỗ trợ và hướng dẫn trẻ có khuyết tật phát triển, các nghiên cứu và giáo trình liên quan đến khuyết tật phát triển, thiết bị hỗ trợ. Ngoài ra, có thể xem bài giảng của các khóa đào tạo bằng video clip dành cho giáo viên, hay các chính sách và pháp lệnh của nhà nước v.v...

http://icedd_new.nise.go.jp/





【発行】

国立障害者リハビリテーションセンター 企画・情報部

発達障害情報・支援センター

住所 〒359-8555 埼玉県所沢市並木4-1

ウェブサイト <http://www.rehab.go.jp/ddis/>



【監修】 高橋 脩（豊田市福祉事業団 理事長）

【協力機関】 豊田市こども発達センター 地域療育相談室

【編集・制作】

「発達障害児支援における多言語版パンフレット等作成に関する作業部会」（発達障害情報分析会議）

【発行日】 2019年6月（※2019年8月 一部訂正）

《パンフレットのご利用について》

当パンフレットは原則、印刷・配布は自由です。自治体等でご活用の際は発達障害情報・支援センターにご一報ください。

なお、当パンフレットについて、発達障害情報・支援センターに無断で改変をおこなうことはできません。



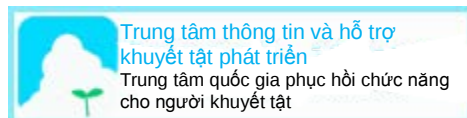
[Phát hành]

Trung tâm quốc gia phục hồi chức năng cho người khuyết tật phát triển - Phòng kế hoạch và thông tin

Trung tâm thông tin và hỗ trợ khuyết tật phát triển

Địa chỉ : 359-8555 Tỉnh Saitama, thành phố Tokorozawa, Namiki 4-1

Trang web : <http://www.rehab.go.jp/ddis/>



[Giám sát]

Osamu Takahashi (Chủ tịch Nghiệp đoàn phúc lợi thành phố Toyota)

[Cơ quan hợp tác]

Trung tâm phát triển trẻ em thành phố Toyota Phòng tư vấn chăm sóc phục hồi địa phương

[Biên soạn/chế tác]

"Ban tác nghiệp chế tác tờ thông tin đa ngôn ngữ về hỗ trợ trẻ em khuyết tật phát triển" (Hội nghị phân tích thông tin khuyết tật phát triển)

[Phát hành]

Tháng 8 năm 2019